

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2019/HS-ST**

Ngày: 20/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Chí Vương
2. Ông: Bùi Văn Hồng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 21/01/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 25/02/2019 và thông báo số 02/TB-TA ngày 12/3/2019 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 20/8/1987 tại Bình Phước; Tên gọi khác: S; Nơi cư trú: Tổ 7, ấp 7, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T₁, sinh năm 1949 (Chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954; vợ; Hồ Thị H sinh năm 1990, (đã ly hôn) bị cáo có 01 người con sinh năm 2009. Tiền án: Không; Tiền sự: 02. Ngày 20/01/2018 Công an huyện H phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy số tiền 2.550.000đ. Ngày 05/9/2016 Công an huyện H phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy số tiền 1.000.000đ.

Nhân thân: Ngày 12/8/2011 TAND tỉnh Bình Phước xử phạt 3 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt từ ngày 04/6/2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Hoàng S, sinh ngày 29/6/1997 tại Bình Phước; Tên gọi khác: Lượn; Nơi cư trú: Tổ 4, ấp 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hoàng M, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; vợ Nguyễn Thanh T₂ sinh năm 1996, bị cáo có 01 người con sinh năm 2017. Tiền án: Không; Tiền sự: 01.

Ngày 17/6/2017 Công an huyện H, tỉnh Bình Phước phạt hành chính 2.500.000đ hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Nhân thân: Ngày 25/12/2015 Công an huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt hành chính 750.000đ hành vi sử dụng trái phét chất ma túy. (Đã chấp hành xong).

Bị cáo bị bắt từ ngày 04/6/2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đức D, sinh ngày 13/4/1999 tại Bình Phước; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Tổ 8, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 04/6/2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

Đặng Hữu N, sinh năm 1996 (Vắng)

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Trần Trung H, sinh năm 1997 (vắng)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 02 giờ 40 phút ngày 04/6/2018 lực lượng Công an huyện H và Công an thị trấn T nhận được tin báo của quần chúng nhân dân có hai đối tượng thuê nhà nghỉ Gia Linh thuộc tổ 12, ấp 2, thị trấn T có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra phòng trọ của Lê Hoàng S phát hiện có 01 gói nylon hàn kín bên trong có tinh thể màu trắng, đồng thời lúc kiểm tra có mặt Nguyễn Đức D tại

phòng trọ của S. Cả hai đều khai nhận gói nylon hàn kín là ma túy, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 nỏ thủy tinh, tiền, xe máy, quạt ga. Đối với gói nylon bên trong có tinh thể màu trắng được niêm phong có chữ ký xác nhận của S và D.

Qua điều tra, S khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là do Phạm Văn T bán cho S. Người đem giao ma túy cho S là D. Trước đó S cũng đã nhiều lần mua ma túy của T vừa sử dụng và có khi mua bán lại cho các đối tượng nghiện khác trong đó có Đặng Hữu N và Trần Trung H.

Trên cơ sở lời khai của S và D lực lượng Công an huyện H đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T thu giữ một số đồ vật trong đó có 02 gói nylon hàn kín bên trong có chất tinh thể màu trắng, 01 gói nylon hàn kín đựng thực vật khô và đã niêm phong có xác nhận của Phạm Văn T sau đó đã trưng cầu giám định.

Theo kết luận giám định số: 180/2018/GĐKTHS ngày 07/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

Tinh thể màu trắng có trong 01 gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng là 1,1198 gam, loại **Methamphetamine**.

Tinh thể màu trắng có trong 02 gói nylon (ký hiệu M₁) được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng là 0,2392 gam, loại **Methamphetamine**.

Thảo mộc khô cắt nhỏ có trong 01 gói nylon (ký hiệu M₂) được niêm phong gửi đi giám định không tìm thấy các chất ma túy thuộc danh mục của Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSHQ ngày 18 tháng 01 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Phạm Văn T, Lê Hoàng S, Nguyễn Đức D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Văn T, Lê Hoàng S, Nguyễn Đức D, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 17 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 đến 10 năm tù.

Xử phạt Lê Hoàng S 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù

Nguyễn Đức D 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Các bị cáo không tranh luận, không kêu oan

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về cùng gia đình

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T, Lê Hoàng S, Nguyễn Đức D thừa nhận bản thân các bị cáo có sử dụng ma túy và đã nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng nghiện cụ thể T đã bán ma túy cho S 4 lần, trong 4 lần này thì D là người đem ma túy bán hộ cho T 3 lần. Lê Hoàng S là người trực tiếp đi mua ma túy của T 4 lần trong đó có 2 lần về bán lại cho N và 2 lần mua giùm cho N và cùng sử dụng chung.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Phạm Văn T, Lê Hoàng S, Nguyễn Đức D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, là mầm mống của các tệ nạn xã hội, sẽ dẫn đến có nhiều người bị lôi kéo vào con đường sử dụng hoặc buôn bán ma túy, tạo ra gánh nặng cho gia đình và xã hội. Các bị cáo biết rõ việc mua bán chất ma túy bị pháp luật cấm, người vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật nhưng vì muốn được hưởng

lợi từ việc bán ma túy mang lại nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên cần có một hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo đều là những người sử dụng ma túy. Do muốn có ma túy để sử dụng, T mua ma túy bán lại lấy lời. S mua ma túy của T bán lại cho N,

Đối với D tuy không mua bán nhưng là người trực tiếp nhận ma túy của T đem bán lấy tiền đưa cho T và được hưởng lợi từ việc T cho sử dụng ma túy mà không lấy tiền.

Vai trò của các bị cáo như sau: T là người bán ma túy cho S, còn S khi có người hỏi mua ma túy thì nhận lời sau đó mua của T bán lại hưởng chênh lệch. Số lần T bán ma túy cho S nhiều hơn số lần S mua ma túy của T bán lại. D không bán nhưng là người đi giao ma túy mỗi khi S gọi cho T hỏi mua túy. Như vậy việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo phải khác nhau. Trong đó T phải cao hơn S và D.

Xét về nhân thân:

Đối với bị cáo Phạm Văn T đã có 2 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Nhưng bị cáo không biết sửa chữa, tự cai nghiện mà vẫn còn sử dụng và còn nhiều lần bán ma túy. Năm 2011, bị TAND tỉnh Bình Phước xử phạt 3 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội coi như được xác định đương nhiên xóa án tích nhưng điều này cũng chứng tỏ bị cáo đã từng vi phạm pháp luật về sự nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục vi phạm do vậy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Lê Hoàng S năm 2015 bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã chấp hành xong và được xem như đã xóa tiền sự. Nhưng năm 2017 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác, sau khi đã nhận quyết định cho đến nay bị cáo không chấp hành cho thấy ý thức chấp hành pháp luật kém.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự trong vụ án này bị cáo có vai trò là người giúp sức cho T trong việc bán ma túy, tuổi đời còn trẻ chỉ vì ham chơi, đua đòi bị cáo đã lao vào con đường nghiện ngập

để có ma túy sử dụng bị cáo đã giúp sức cho bị cáo T trong việc bán ma túy do vậy cần có thể áp dụng hình phạt thấp nhất trong khung để phạt đối với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa áp dụng hình phạt tù có thời hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Vật chứng vụ án:

Số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại: (ký hiệu M): 0,8004 gam; (ký hiệu M₂): 0,1272 gam là chất cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Xe mô tô biên số 93B1-249.68 là tài sản của bị cáo Nguyễn Đức D, điện thoại di động, số tiền 2.100.000đ là những phương tiện, vật liên quan trực tiếp đến vụ án cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Số tiền 1.030.000đ là tài sản hợp pháp của bị cáo T không liên quan đến vụ án cần tuyên trả cho bị cáo.

Ngoài ra quá trình khám xét nơi ở của các bị cáo cơ quan Cảnh sát điều tra còn thu giữ một số dụng cụ khác khác như:

Kéo, vỏ chai, dụng cụ sử dụng ma túy, vỏ bao nylon, hộp giấy, hút nhựa, là những đồ vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Lê Hoàng S, Nguyễn Đức D phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 251, Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày 04/6/2018.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng S 08 (tám) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày 04/6/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 07 (bảy) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày 04/6/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Văn T, Lê Hoàng S, Nguyễn Đức D 45 ngày tính từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[3] Về vật chứng vụ án: *Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:*

Tịch thu tiêu hủy Số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại: (M 0,8004) gam, và (M₁ 0,1272) gam.

Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước:

01 xe mô tô biển số 93B1-249.68 nhãn hiệu SUZUKI số loại RAIDER FI số máy CGA1509209 số khung 11ANJV109212.

01 điện thoại di động hiệu Sam Sung, 01 điện thoại di động NoKia, 01 điện thoại di động FPT.

Số tiền 2.100.000đ (Hai triệu một trăm ngàn đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái kéo, 01 quẹt gas, 01 ví da, 01 đoạn uống hút nhựa, 02 vỏ gói ny lon đã hàn kín, 02 mảnh nylon.

Tịch thu tiêu hủy các đồ vật gồm: Kéo, vỏ chai, dụng cụ sử dụng ma túy, vỏ bao nylon, hộp giấy, hút nhựa...

Trả cho bị cáo Phạm Văn T 1.030.000đ (một triệu không trăm ba mươi ngàn đồng).

Các vật chứng này đã được thông kê như trong biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0005598 và 005599 ngày 29/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo Phạm Văn T, Lê Hoàng S, Nguyễn Đức D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNVCS CA H;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thành Liêm